

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề	: Kỹ thuật xét nghiệm y học
Mã ngành, nghề	: 6720602
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp trung học phổ thông /tương đương
Thời gian đào tạo	: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo trình độ cao đẳng Xét nghiệm Y học có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành ở trình độ cao đẳng để thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thuộc các lĩnh vực: Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học, Truyền máu phục vụ yêu cầu chẩn đoán và điều trị; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Kiến thức

- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để thực hành nghề nghiệp theo quy định và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Giải thích và áp dụng được các nguyên lý, cơ chế để thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.
- Có kiến thức về các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học;
- Trình bày được luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.
- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong học tập, thực hành kỹ thuật và nghiên cứu khoa học.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường, sử dụng được các bộ thuốc thử (kit) phục vụ cho công tác xét nghiệm.
- Thực hiện thành thạo các xét nghiệm về huyết học, truyền máu, hoá sinh, vi sinh,

ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.

- Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.
- Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng xét nghiệm.
- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.
- Tham gia quản lý được phòng xét nghiệm ở tuyến huyện.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Thực hiện giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp. Luôn ân cần, niềm nở chu đáo và nhiệt tình khi tiếp xúc hay hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Có tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác và trung thực khi làm các xét nghiệm cho bệnh nhân
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo chuẩn khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành Y “Lương y như từ mẫu”.
- Trung thực, khách quan, chính xác và bảo đảm an toàn cho người bệnh trong thực hiện các công việc chuyên môn. Tích cực học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Tuân thủ các qui định về vô khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn khi thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

1.3. Vị trí làm việc sau khi ra trường:

- Người sinh viên sau khi được cấp bằng tốt nghiệp có thể được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc cơ sở y tế ngoài công lập theo quy chế tuyển dụng công chức và người lao động, cụ thể là:

+ Có thể làm những công việc chuyên môn tại các bệnh viện, các phòng khám khu vực có trang bị máy móc liên quan đến kỹ thuật xét nghiệm.

+ Có thể tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu tại các trường Đại học Y dược, cao đẳng Y tế, tại các học viện, viện và các cơ quan nghiên cứu khoa học.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 39 môn bắt buộc; 11 môn tự chọn
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 106 tín chỉ; 2490 giờ (không tính GDTC;

GDQP)

Khối lượng các môn học chung/đại cương: 300 giờ (không tính GDTC; GDQP)

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2190 giờ;

- Khối lượng lý thuyết các môn học chuyên môn: 680 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 1419 giờ; Kiểm tra: 91 giờ

- Tỷ lệ LT-TH: 36% -64%

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	TC	Tổng số giờ	Số giờ								Ghi chú	
				Lý thuyết		Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận/ Bài tập		Thực hành/ lâm sàng / cộng đồng		Tự học	Số cột kiểm tra		
TC	Giờ	TC	Giờ	TC	Giờ	Giờ	Giờ						
I	Các môn học chung/ đại cương	15	300	10	129	5	156	0	0	375	15		
6MC01	Giáo dục chính trị	4	75	3	41	1	30	0	0	105	4	(II)	
6MC02	Pháp luật	2	30	2	18	0	10	0	0	60	2		
6MC03	Giáo dục Thể chất		60									(!)	
6MC04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh		75									(!)	
6MC05	Tin học	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	(II)	
6MC06	Tiếng Anh 1	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(II)	
6MC07	Tiếng Anh 2	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(II)	
II	Môn học chuyên môn	91	2190	49	680	29	847	13	572	1905	91		
II.1	Các môn học cơ sở	29	555	22	302	6	180	1	44	750	29		
6CS01	Xác suất, Thống kê y học	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2		
6CS02	Sinh học và Di truyền	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2		
6CS09	Giải phẫu	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)	
6CS10	Sinh lý	2	30	2	22	0	6	0	0	60	2		

6CS12	Mô phôi	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6CS13	Giải phẫu bệnh	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6CS16	Dược lý	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	()
6CS18	Quản lý và tổ chức y tế	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS19	Y đức	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS20	Kỹ năng giao tiếp – GDSK	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS25	Điều dưỡng cơ sở	3	90	1	14	1	29	1	44	45	3	(#)
6CS29	Cấp cứu ban đầu	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6CS30	Bệnh học	3	45	3	42	0	0	0	0	90	3	
II.2	Các môn học chuyên môn	53	1470	20	280	21	609	12	528	915	53	
6CS36	Thực hành nghiên cứu khoa học	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	()
6160201	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160202	Huyết học cơ sở	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160203	Huyết học tế bào	4	90	2	28	2	58	0	0	90	4	(#)
6160204	Huyết học đông máu	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160205	Huyết học truyền máu	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160206	Hóa sinh 1	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
6160207	Hóa sinh 2	4	90	2	28	2	58	0	0	90	4	(#)

6160208	Hóa sinh 3	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	(#)
6160209	Vì sinh 1	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160210	Vì sinh 2	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	(#)
6160211	Vì sinh 3	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	(#)
6160212	Ký sinh trùng 1	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
6160213	Ký sinh trùng 2	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160214	Ký sinh trùng 3	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160215	Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160216	Thực hành xét nghiệm 1	4	180	0	0	0	0	4	176	0	4	
6160217	Thực hành xét nghiệm 2	4	180	0	0	0	0	4	176	0	4	
6160218	Thực tập cuối khóa	4	180	0	0	0	0	4	176	0	4	
II.3	Môn học tự chọn:	9	165	7	98	2	58	0	0	240	9	
Tự chọn 1: sinh viên chọn 1 môn tương đương 2 tín chỉ												
6CS03	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS04	Hóa học	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS07	Hóa phân tích	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6CS11	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
Tự chọn 2: sinh viên chọn 1 môn tương đương 2 tín chỉ												

6CS21	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS22	Sức khỏe môi trường- Vệ sinh	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS23	Dịch tễ học	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
Tự chọn 3: sinh viên chọn 1 nhóm tương đương 5 tín chỉ												
	Nhóm 1:	5	105	3	42	2	58	0	0	120	5	
6160219	Độc chất học lâm sàng	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160220	Hóa sinh 4	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
	Nhóm 2:	5	105	3	42	2	58	0	0	120	5	
6160221	Vì sinh 4	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
6160222	Ký sinh trùng 4	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
Tổng cộng		106	2490	59	809	34	1003	13	572	2280	106	

Ghi chú:

(!): Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng

(||): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học

(#): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đề án, khóa luận tốt nghiệp.

1 giờ học lý thuyết trên lớp: sinh viên phải tự học 2 giờ.

2 giờ học thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường: sinh viên phải tự học 1 giờ.

1 tín chỉ tương đương 1 cột kiểm tra.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần.
- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học, thời gian ôn và thi tốt nghiệp. Thời gian thực học là thời gian học sinh nghe giảng trên lớp, thời gian thí nghiệm, thảo luận, thực tập. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng
- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau:
 - + Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành tại trường và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại các cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình
 - + Một giờ học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút;
 - + Một ngày học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận không quá 8 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.
 - + Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
-------	----------	-----------

1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.
- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.
- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định.
- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần đối với kỳ thi chính và 1 tuần đối với kỳ thi phụ. Thời gian ôn thi phải đảm bảo ít nhất $\frac{1}{2}$ ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập
- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 3 ngày làm việc.
- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học

4.4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, thi lại và học lại

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học: người học được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau:

+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

+ Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân) .

- Số lần dự thi kết thúc môn học:

+ Người học được dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất ở kỳ thi chính, nếu chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ do trường tổ chức.

+ Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác

+ Người học có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần ở lần thi tiếp theo để cải thiện điểm số nhưng không được bảo lưu điểm thi trước đó. Điểm thi lần sau không được tính để xét học bổng;

- Người học phải thi lại 01 lần/môn học nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu

- Người học phải học lại nếu: không đủ điều kiện dự thi; hoặc đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu.

4.5. Điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên

- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định

- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự

- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học

- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật nhưng chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.

- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG